

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU HÀ THIÊN PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU HÀ THIÊN PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA THIEN PHUC PRODUCTION IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108285512

**3. Ngày thành lập:** 22/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Khê Nữ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                 | 0118        |
| 2.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                 | 1610        |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                               | 5510        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                        | 4663        |
| 5.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                  | 3700        |
| 6.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                 | 3811        |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                 | 4330        |
| 8.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) | 4620        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                      | 4210        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                     | 4290        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ dò, nổ mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                               | 4312        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe taxi               | 4931        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                 | 4933        |
| 14. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu<br>Chi tiết: Trồng cây gia vị                                                                                  | 0128(Chính) |
| 15. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                        | 1104        |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, dịch vụ ăn uống                                                        | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4520 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Dịch vụ nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 19. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà thầu khoán các sự kiện trình diễn trực tiếp nhưng không phải là các sự kiện nghệ thuật hoặc thể thao, có hoặc không có cơ sở | 9329 |
| 20. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1622 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô (không bao gồm kinh doanh bất động sản) (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                | 5221 |
| 22. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2220 |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 24. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3319 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659 |
| 26. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2592 |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 11/05/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001171011580

Ngày cấp: 06/03/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Khê Nữ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Khê Nữ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/05/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001171011580

Ngày cấp: 06/03/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Khê Nũ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Khê Nũ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội